

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 25.2.2023

NÓI CÔ ĐỘNG VÀ QUẢNG THUYẾT DUYÊN KHỞI
Kinh Du Sĩ Ngoại Đạo (Aññatitthiyasuttam)

Tập II – Thiên Nhân Duyên

Chương I. Tương Ưng Nhân Duyên (a) - Phẩm Mười Lục (S. ii, 32)

Duyên sinh vạn hữu là đề tài rộng lớn có thể nói từ nhiều khởi điểm khác nhau. Chẳng những vậy mà còn có rộng, hẹp, dài, ngắn tùy trường hợp. Hiểu được căn bản là có thể thấy duyên khởi trong nhiều hình thức trình bày. Thâm nhập ý nghĩa sâu rộng trong cách nói ngắn gọn đồng nghĩa với sự thấy biết hàm ý thâm sâu. Điều này tương tự như một người nhìn giọt nước rơi xuống hoà vào giòng suối mà thấy được thực tướng vô thường của pháp hữu vi. Nói thế nào đi nữa thì giáo lý duyên khởi luôn là thách thức lớn cho cả hai phương diện học và thực hành Phật Pháp.



Kinh Văn

Rājagahe viharati veļuvane. Atha kho āyasmā sārīputto pubbaṇhasamayam nivāsetvā pattaṭṭhāyamaññāya rājagahaṃ piṇḍāya pāvīsi. Atha kho āyasmato sārīputtassa etadahosi – “atippago kho tāva rājagahe piṇḍāya caritum. Yamnūnāhaṃ yena aññatitthiyānaṃ paribbājakānaṃ ārāmo tenupasaṅkameyya”nti.

Tại Veluvana (Trúc Lâm), Rājagaha (Vương Xá),

Bây giờ vào buổi sáng, Tôn giả Sārīputta đắp y, cầm y (kép) và bát, đi vào thành Vương Xá để khát thực.

Rồi Tôn giả Sārīputta suy nghĩ: "Thật là quá sớm để khát thực trong thành Vương Xá. Ta hãy đi đến vườn của các du sĩ ngoại đạo".

Atha kho āyasmā sārīputto yena aññatitthiyānaṃ paribbājakānaṃ ārāmo tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā tehi aññatitthiyehi paribbājakehi saddhiṃ sammodi. Sammodanīyaṃ kathaṃ sāraṇīyaṃ vītisāretvā ekamantaṃ nisīdi. Ekamantaṃ nisinnaṃ khõ āyasmantaṃ sārīputtaṃ te aññatitthiyā paribbājakā etadavocum –

“Santāvuso, sārīputta, eke samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamaṅkataṃ dukkhaṃ paññapenti. Santi panāvuso sārīputta, eke samaṇabrāhmaṇā kammavādā paraṃkataṃ dukkhaṃ paññapenti. Santāvuso sārīputta, eke samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamaṅkatañca paraṃkatañca dukkhaṃ paññapenti. Santi panāvuso sārīputta, eke samaṇabrāhmaṇā kammavādā asayamaṅkāraṃ aparaṃkāraṃ adhiccasamuppannaṃ dukkhaṃ paññapenti. Idha, panāvuso sārīputta, samaṇo gotamo kiṃvādī kimakkhāyī? Kathaṃ byākaramānā ca mayaṃ vuttavādino ceva samaṇassa gotamassa assāma, na ca samaṇaṃ gotamaṃ abhūtena abbhācikkheyyāma, dhammassa cānudhammaṃ byākareyyāma, na ca koci sahadhammiko vādānupāto gārayhaṃ ṭhānaṃ āgaccheyyā”ti?

Tôn giả Sārīputta đi đến vườn của các du sĩ ngoại đạo; sau khi nói lên với những du sĩ ngoại đạo ấy những lời thăm hỏi thân thiện đã ngồi xuống một bên.

Rồi các du sĩ ngoại đạo ấy nói với Tôn giả Sārīputta:

-- Này Hiền giả Sārīputta, có một số sa môn, bà la môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm. Này Hiền giả Sārīputta, có một số sa môn, bà la môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do người khác làm. Này Hiền giả Sārīputta, có một số sa môn, bà la môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm và do người khác làm. Này Hiền giả Sārīputta, có một số sa môn, bà la môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ không do tự mình làm, không do người khác làm, khổ do tự nhiên sanh.

Hiền giả Sārīputta, vậy Sa môn Gotama thuyết như thế nào, dạy thế nào về điểm này? Và (nếu được hỏi) chúng tôi trả lời như thế nào để gọi là nói đúng lời Sa môn Gotama chứ không xuyên tạc hay nói sai sự thật. Pháp chúng tôi trả lời là đúng pháp; và không ai tìm được lý do để chỉ trích.

“Paṭicasamuppannaṃ kho, āvuso, dukkhaṃ vuttaṃ bhagavatā. Kiṃ paṭicca? Phassaṃ paṭicca. Iti vadaṃ vuttavādī ceva bhagavato assa, na ca bhagavantaṃ abhūtena abbhācikkheyya, dhammassa cānudhammaṃ byākareyya, na ca koci sahadhammiko vādānupāto gārayhaṃ ṭhānaṃ āgaccheyya.

Chư Hiền giả, Thế Tôn đã nói khổ do duyên mà sanh. Duyên ấy là gì? Do duyên xúc. Nói như vậy là nói đúng lời Đức Thế Tôn chứ không xuyên tạc hay nói sai sự thật. Pháp chúng tôi trả lời là đúng pháp; và không ai tìm được lý do để chỉ trích.

“Tatrāvuso, ye te samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamkatam dukkham paññapenti tadapi phassapaccayā. Yepi te samaṇabrāhmaṇā kammavādā paramkatam dukkham paññapenti tadapi phassapaccayā. Yepi te samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamkatañca paramkatañca dukkham paññapenti tadapi phassapaccayā. Yepi te samaṇabrāhmaṇā kammavādā asayamkāram aparamkāram adhiccasamuppannam dukkham paññapenti tadapi phassapaccayā.

Này chư Hiền, ở đây những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm; khổ ấy chính do duyên xúc. Những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do người khác làm; khổ ấy chính do duyên xúc. Những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm và do người khác làm; khổ ấy chính do duyên xúc. Những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ không do tự mình làm, không do người khác làm mà do tự nhiên sanh; khổ ấy chính do duyên xúc.

“Tatrāvuso, ye te samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamkatam dukkham paññapenti, te vata aññatra phassā paṭisaṃvedissantīti netam ṭhānam vijjati. Yepi te samaṇabrāhmaṇā kammavādā paramkatam dukkham paññapenti, te vata aññatra phassā paṭisaṃvedissantīti netam ṭhānam vijjati. Yepi te samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamkatañca paramkatañca dukkham paññapenti, te vata aññatra phassā paṭisaṃvedissantīti netam ṭhānam vijjati. Yepi te samaṇabrāhmaṇā kammavādā asayamkāram aparamkāram adhiccasamuppannam dukkham paññapenti, te vata aññatra phassā paṭisaṃvedissantīti netam ṭhānam vijjati”ti.

Này chư Hiền, ở đây những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp tuyên bố khổ do tự mình làm, họ chắc chắn không thể cảm thọ mà không có xúc. Những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do người khác làm, họ chắc chắn không thể cảm thọ mà không có xúc. Những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm và do người khác làm, họ chắc chắn không thể cảm thọ mà không có xúc. Những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ không do tự mình làm và không do người khác làm, khổ do tự nhiên sanh, họ chắc chắn không thể cảm thọ mà không có xúc.

Assosi kho āyasmā ānando āyasmato sārīputtassa tehi aññatitthiyehi paribbājakehi saddhiṃ imaṃ kathāsallāpaṃ. Atha kho āyasmā ānando rājagahe piṇḍāya caritvā pacchābhataṃ piṇḍapātaṇṇikānto yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā bhagavantaṃ abhivādetvā ekamantaṃ nisīdi. Ekamantaṃ nisinno kho āyasmā ānando yāvatako āyasmato sārīputtassa tehi aññatitthiyehi paribbājakehi saddhiṃ ahosi kathāsallāpo taṃ sabbaṃ bhagavato ārocesi.

Tôn giả Ānanda nghe được câu chuyện giữa Tôn giả Sārīputta với các du sĩ ngoại đạo ấy. Sau khi đi khát thực trong thành Vương Xá và thọ trai xong, Tôn giả đi đến Đức Thế Tôn. Sau khi đánh lễ rồi thuật lại câu chuyện đối thoại ra giữa Tôn giả Sārīputta và các du sĩ ngoại đạo.

“Sādhu sādhu, ānanda, yathā taṃ sārīputto sammā byākaramāno byākareyya. Paṭicasamuppannaṃ kho, ānanda, dukkhaṃ vuttaṃ mayā. Kim paṭicca? Phassaṃ paṭicca. Iti vadaṃ vuttavādī ceva me assa, na ca maṃ abhūtena abbhācikkheyya, dhammassa cānudhammaṃ byākareyya, na ca koci sahadhammiko vādānupāto gārayhaṃ ṭhānaṃ āgaccheyya.

-- Lành thay, lành thay, này Ānanda! Ai trả lời như vậy là trả lời một cách chon chánh sẽ nói như Sārīputta. Này Ānanda, Ta nói rằng khổ do duyên mà sanh. Do duyên gì? Do duyên xúc. Nói như vậy là nói đúng lời Ta thuyết chứ không xuyên tạc hay nói sai sự thật. Pháp trả lời là đúng pháp; và không ai tìm được lý do để chỉ trích.

“Tatrānanda, ye te samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamaṅkataṃ dukkhaṃ paññapenti tadapi phassaṃ paṭicca. Yepi te...pe... yepi te...pe... yepi te samaṇabrāhmaṇā kammavādā asayamaṅkāraṃ apamaṅkāraṃ adhicasamuppannaṃ dukkhaṃ paññapenti tadapi phassaṃ paṭicca.

“Tatrānanda, yepi te samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamaṅkataṃ dukkhaṃ paññapenti, te vata aññatra phassaṃ paṭicca. Yepi te...pe... yepi te...pe... yepi te samaṇabrāhmaṇā kammavādā asayamaṅkāraṃ apamaṅkāraṃ adhicasamuppannaṃ dukkhaṃ paññapenti, te vata aññatra phassaṃ paṭicca.

Này Ānanda, ở đây những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm; khổ ấy chính do duyên xúc. Những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do người khác làm; khổ ấy chính do duyên xúc. Những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm

và do người khác làm; khổ ấy chính do duyên xúc. Những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ không do tự mình làm, không do người khác làm mà do tự nhiên sanh; khổ ấy chính do duyên xúc.

Này Ānanda, ở đây những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp tuyên bố khổ do tự mình làm, họ chắc chắn không thể cảm thọ mà không có xúc. Những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do người khác làm, họ chắc chắn không thể cảm thọ mà không có xúc. Những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm và do người khác làm, họ chắc chắn không thể cảm thọ mà không có xúc. Những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ không do tự mình làm và không do người khác làm, khổ do tự nhiên sanh, họ chắc chắn không thể cảm thọ mà không có xúc.

“Ekamidāhaṃ, ānanda, samayaṃ idheva rājagahe viharāmi veḷuvane kalandakanivāpe. Atha khvāhaṃ, ānanda, pubbaṇhasamayaṃ nivāsetvā pattacīvaramādāya rājagahaṃ piṇḍāya pāvisiṃ. Tassa mayhaṃ, ānanda, etadahosi – ‘atippago kho tāva rājagahe piṇḍāya carituṃ. Yaṃnūnāhaṃ yena aññatitthiyānaṃ paribbājakānaṃ ārāmo tenupasaṅkameyya’”nti.

Một thời ta trú ở Rājagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại Kalandakanivāpe (chỗ cho sóc ăn). Bấy giờ vào buổi sáng, Ta đắp y, cầm y (kép) và bát, đi vào thành Vương Xá để khát thực. Rồi Ta suy nghĩ: "Thật là quá sớm để khát thực trong thành Vương Xá. Ta hãy đi đến vườn của các du sĩ ngoại đạo".

“Atha khvāhaṃ, ānanda, yena aññatitthiyānaṃ paribbājakānaṃ ārāmo tenupasaṅkamīṃ; upasaṅkamitvā tehi aññatitthiyehi paribbājakehi saddhiṃ sammodiṃ. Sammodanīyaṃ kathaṃ sāraṇīyaṃ vītisāretvā ekamantaṃ nisīdiṃ. Ekamantaṃ nisinnaṃ kho maṃ, ānanda, te aññatitthiyā paribbājakā etadavocaṃ –

‘Santāvuso gotama, eke samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamaṅkataṃ dukkhaṃ paññapenti. Santi paṇāvuso gotama, eke samaṇabrāhmaṇā kammavādā paraṅkataṃ dukkhaṃ paññapenti. Santāvuso gotama, eke samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamaṅkatañca paraṅkatañca dukkhaṃ paññapenti. Santi paṇāvuso gotama, eke samaṇabrāhmaṇā kammavādā asayaṅkāraṃ aparaṅkāraṃ adhiccasamuppannaṃ dukkhaṃ paññapenti. Idha no āyasmā gotamo kiṃvādī kimakkhāyī? Kathaṃ byākaramānā ca mayaṃ vuttavādino ceva āyasmato gotamassa assāma, na ca āyasmantaṃ gotamaṃ abhūtena abbhācikkheyyāma, dhammassa cānudhammaṃ byākareyyāma, na ca koci sahadhammiko vādānupāto gārayhaṃ ṭhānaṃ āgaccheyyā’”ti?

Rồi này Ānanda, Ta đi đến vườn của các du sĩ ngoại đạo; sau khi nói lên với những du sĩ ngoại đạo ấy những lời thăm hỏi thân thiện đã ngồi xuống một bên.

Rồi các du sĩ ngoại đạo ấy nói với Ta:

-- Này Hiền giả Gotama, có một số sa môn, bà la môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm. Này Hiền giả Gotama, có một số sa môn, bà la môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do người khác làm. Này Hiền giả Gotama, có một số sa môn, bà la môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm và do người khác làm. Này Hiền giả Gotama, có một số sa môn, bà la môn chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ không do tự mình làm, không do người khác làm, khổ do tự nhiên sanh.

Hiền giả Gotama, vậy Sa môn Gotama thuyết như thế nào, dạy thế nào về điểm này? Và (nếu được hỏi) chúng tôi trả lời như thế nào để gọi là nói đúng lời Sa môn Gotama chứ không xuyên tạc hay nói sai sự thật. Pháp chúng tôi trả lời là đúng pháp; và không ai tìm được lý do để chỉ trích.

“Evaṃ vuttāhaṃ, ānanda, te aññatitthiye paribbājake etadavocaṃ – ‘paṭicasamuppannaṃ kho, āvuso, dukkhaṃ vuttaṃ mayā. Kiṃ paṭicca? Phassaṃ paṭicca. Iti vadaṃ vuttavādī ceva me assa, na ca maṃ abhūtena abbhācikkheyya, dhammassa cānudhammaṃ byākareyya, na ca koci sahadhammiko vādānupāto gārayhaṃ ṭhānaṃ āgaccheyyā’”ti.

Được hỏi vậy, này Ānanda, Ta nói với các du sĩ ngoại đạo ấy:

-- Này chư Hiền, Ta đã nói khổ do duyên mà sanh. Duyên ấy là gì? Do duyên xúc. Nói như vậy là nói đúng lời Ta chứ không xuyên tạc hay nói sai sự thật. Pháp được trả lời là đúng pháp; và không ai tìm được lý do để chỉ trích.

“Tatrāvuso, ye te samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamaṅkataṃ dukkhaṃ paññapenti tadapi phassapaccayā. Yepi te...pe... yepi te...pe... yepi te samaṇabrāhmaṇā kammavādā asayamaṅkāraṃ apamaṅkāraṃ adhiccasamuppannaṃ dukkhaṃ paññapenti tadapi phassapaccayā.

Này chư Hiền, ở đây những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm; khổ ấy chính do duyên xúc. Những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do người khác làm; khổ ấy chính do duyên xúc. Những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm và do người khác làm; khổ ấy chính do duyên xúc. Những sa môn, bà la môn nào

chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ không do tự mình làm, không do người khác làm mà do tự nhiên sanh; khổ ấy chính do duyên xúc.

“Tatrāvuso, ye te samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamkatam dukkham paññapenti, te vata aññatra phassā paṭisaṃvedissantīti netam ṭhānam vijjati. Yepi te...pe... yepi te...pe... yepi te samaṇabrāhmaṇā kammavādā asayamkāram aparamkāram adhiccasamuppannam dukkham paññapenti, te vata aññatra phassā paṭisaṃvedissantīti netam ṭhānam vijjati”ti.

Này chư Hiền, ở đây những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp tuyên bố khổ do tự mình làm, họ chắc chắn không thể cảm thọ mà không có xúc. Những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do người khác làm, họ chắc chắn không thể cảm thọ mà không có xúc. Những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ do tự mình làm và do người khác làm, họ chắc chắn không thể cảm thọ mà không có xúc. Những sa môn, bà la môn nào chủ trương về nghiệp, tuyên bố khổ không do tự mình làm và không do người khác làm, khổ do tự nhiên sanh, họ chắc chắn không thể cảm thọ mà không có xúc.

“Acchariyaṃ bhante, abbhutaṃ bhante! Yatra hi nāma ekena padena sabbo attho vutto bhavissati. Siyā nu kho, bhante, esevattho vitthārena vuccamāno gambhīro ceva assa gambhīrāvabhāso cā”ti?

“Tena hānanda, taññevettha paṭibhātū”ti.

-- Thật vi diệu thay, bạch Đức Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Đức Thế Tôn! Làm sao tất cả nghĩa được cô đọng trong một câu. Bạch Đức Thế Tôn, có thể chăng ý nghĩa này được trình bày một cách sâu sắc với hàm ý sâu sắc?

-- Vậy này Ānanda, hãy tự mình trình bày nghĩa ấy ở đây.

“Sace maṃ, bhante, evaṃ puccheyyūṃ – ‘jarāmaṇaṃ, āvuso ānanda, kiṃnidānaṃ kiṃsamudayaṃ kiṃjātikaṃ kiṃpabhava’nti? Evaṃ puṭṭhohaṃ, bhante, evaṃ byākareyyaṃ – ‘jarāmaṇaṃ kho, āvuso, jātinidānaṃ jātisamudayaṃ jātijātikaṃ jātipabhava’nti. Evaṃ puṭṭhohaṃ, bhante, evaṃ byākareyyaṃ.

“Sace maṃ, bhante, evaṃ puccheyyūṃ – ‘jāti panāvuso ānanda, kiṃnidānā kiṃsamudayā kiṃjātikā kiṃpabhavā’nti? Evaṃ puṭṭhohaṃ, bhante, evaṃ byākareyyaṃ – ‘jāti kho, āvuso, bhavanidānā bhavasamudayā bhavajātikā bhavappabhavā’nti. Evaṃ puṭṭhohaṃ, bhante, evaṃ byākareyyaṃ.

-- Bạch Thế Tôn, nếu họ hỏi con: "Này Hiền giả Ānanda, cái gì là nhân, cái gì là duyên, cái gì sản sinh, cái gì tạo thành già chết? Được hỏi vậy con sẽ trả lời: Sự sanh là nhân, là duyên, sản sinh, tạo thành già chết.

-- Bạch Thế Tôn, nếu họ hỏi con: "Này Hiền giả Ānanda, cái gì là nhân, cái gì là duyên, cái gì sản sinh, cái gì tạo thành sự sanh? Được hỏi vậy con sẽ trả lời: Hữu là nhân, là duyên, sản sinh, tạo thành sự sanh.

“Sace maṃ, bhante, evaṃ puccheyyumaṃ – ‘bhavo panāvuso ānanda, kiṃnidāno kiṃsamudayo kiṃjātiko kiṃpabhavo’ti? Evaṃ puṭṭhomaṃ, bhante, evaṃ byākareyyamaṃ – ‘bhavo kho, āvuso, upādānanidāno upādānasamudayo upādānajātiko upādānappabhavo’ti. Evaṃ puṭṭhomaṃ, bhante, evaṃ byākareyyamaṃ.

-- Bạch Thế Tôn, nếu họ hỏi con: "Này Hiền giả Ānanda, cái gì là nhân, cái gì là duyên, cái gì sản sinh, cái gì tạo thành hữu? Được hỏi vậy con sẽ trả lời: thủ là nhân, là duyên, sản sinh, tạo thành hữu.

“Sace maṃ, bhante, evaṃ puccheyyumaṃ – upādānaṃ panāvuso...pe... taṇhā panāvuso...pe... vedanā panāvuso...pe... sace maṃ, bhante, evaṃ puccheyyumaṃ – ‘phasso panāvuso ānanda, kiṃnidāno kiṃsamudayo kiṃjātiko kiṃpabhavo’ti? Evaṃ puṭṭhomaṃ, bhante, evaṃ byākareyyamaṃ – ‘phasso kho, āvuso, saḷāyatānanidāno saḷāyatānasamudayo saḷāyatānajātiko saḷāyatānappabhavo’ti. ‘Channaṃtveva, āvuso, phassāyatānānaṃ asesavirāgaṇirodhā phassanirodho; phassanirodhā vedanānirodho; vedanānirodhā taṇhānirodho; taṇhānirodhā upādānanirodho; upādānanirodhā bhavanirodho; bhavanirodhā jātinirodho; jātinirodhā jarāmaṇaṃ sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā nirujjhanti. Evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa nirodho hoti’ti. Evaṃ puṭṭhomaṃ, bhante, evaṃ byākareyya’nti. Catutthamaṃ.

Bạch Thế Tôn, nếu họ hỏi con: "Này Hiền giả Ānanda, thủ... ái... thọ... xúc... cái gì là nhân, cái gì là duyên, cái gì sản sinh, cái gì tạo thành xúc? Được hỏi vậy con sẽ trả lời: lục nhập là nhân, là duyên, sản sinh, tạo thành xúc.

Với sự đoạn diệt hoàn toàn lục nhập, xúc đoạn diệt; xúc diệt nên thọ thọ diệt; thọ diệt nên ái diệt; ái diệt nên thủ diệt; thủ diệt nên hữu diệt; hữu diệt nên sanh diệt; sanh diệt nên già chết. sầu, bi, khổ, ưu, ai diệt. Như vậy là chấm dứt toàn bộ khổ uẩn.

Bạch Thế Tôn, nếu được con sẽ trả lời như vậy.

Chú Thích

Bài kinh này có thể chia thành 3 phân đoạn:

- a. *Đàm thoại giữa Tôn giả Sāriputta và các du sĩ ngoại đạo mà trọng điểm là: Tất cả đau khổ do duyên xúc chứ không cần phải nói do ai.*
- b. *Đức Phật khi nghe Tôn giả Ānanda thuật lại cuộc đối thoại thì Ngài cũng kể cuộc đàm thoại của chính Ngài với các du sĩ ngoại đạo với ý là “trong trường hợp như vậy, Ngài cũng trả lời tương tự”*
- c. *Tôn giả Ānanda hoan hỷ với câu nói cô đọng “đau khổ do duyên xúc” nên muốn ý nghĩa được nói rộng, và theo lời Phật dạy, Tôn giả đã nói lên ý nghĩa theo quảng thuyết.*

Câu hỏi của những du sĩ ngoại giáo có ý là nếu họ được hỏi là Đức Phật nói ai tạo ra đau khổ thì họ nên trả lời thế nào để được trung thực (không sai với lời của Đức Phật thuyết).

Câu “sahadhammikā vādānuvādā gārayhā thānā āgacchanti – nói đúng pháp, không có chỗ để chỉ trích” là thành ngữ đặc biệt chỉ cho sự trung thực khi lập lại lời và ý của người khác.

Tỳ khưu Giác Đăng soạn dịch

4. Aññatitthiyasuttaṃ

24. Rājagahe viharati veḷuvane. Atha kho āyasmā sāriputto pubbaṅhasamayam nivāsetvā pattacīvaramādāya rājagahaṃ piṇḍāya pāvīsi. Atha kho āyasmato sāriputtassa etadahosi – “atippago kho tāva rājagahe piṇḍāya carituṃ. Yaṃnūnaṃ yena aññatitthiyānaṃ paribbājakānaṃ ārāmo tenupasaṅkameyya”nti.

Atha kho āyasmā sāriputto yena aññatitthiyānaṃ paribbājakānaṃ ārāmo tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā tehi aññatitthiyehi paribbājakehi saddhiṃ sammodi. Sammodanīyaṃ kathaṃ saraṇīyaṃ vītisāretvā ekamantaṃ nisīdi. Ekamantaṃ nisinnaṃ kho āyasmantaṃ sāriputtaṃ te aññatitthiyā paribbājakā etadavocuṃ – “Santāvuso, sāriputta, eke samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamkataṃ dukkhaṃ paññapenti. Santi paṇāvuso sāriputta, eke samaṇabrāhmaṇā kammavādā

paraṃkatam dukkham paññapenti. Santāvuso sārīputta, eke samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamkatañca paraṃkatañca dukkham paññapenti. Santi panāvuso sārīputta, eke samaṇabrāhmaṇā kammavādā asayaṃkāraṃ aparaṃkāraṃ adhiccasamuppannam dukkham paññapenti. Idha, panāvuso sārīputta, samaṇo gotamo kiṃvādī kimakkhāyī? Kathaṃ byākaramānā ca mayaṃ vuttavādino ceva samaṇassa gotamassa assāma, na ca samaṇam gotamaṃ abhūtena abbhācikkheyyāma, dhammassa cānudhammaṃ byākareyyāma, na ca koci sahadhammiko vādānupāto [vādānupāto (ka.) dī. ni. 1.381] gārayhaṃ ṭhānaṃ āgaccheyyā’ ti?

“Paṭiccasamuppannam kho, āvuso, dukkham vuttam bhagavatā. Kiṃ paṭicca? Phassaṃ paṭicca. Iti vadam vuttavādī ceva bhagavato assa, na ca bhagavantam abhūtena abbhācikkheyya, dhammassa cānudhammaṃ byākareyya, na ca koci sahadhammiko vādānupāto gārayhaṃ ṭhānaṃ āgaccheyya.

“Tatrāvuso, ye te samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamkatam dukkham paññapenti tadapi phassapaccayā. Yepi te samaṇabrāhmaṇā kammavādā paraṃkatam dukkham paññapenti tadapi phassapaccayā. Yepi te samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamkatañca paraṃkatañca dukkham paññapenti tadapi phassapaccayā. Yepi te samaṇabrāhmaṇā kammavādā asayaṃkāraṃ aparaṃkāraṃ adhiccasamuppannam dukkham paññapenti tadapi phassapaccayā.

“Tatrāvuso, ye te samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamkatam dukkham paññapenti, te vata aññatra phassā paṭisaṃvedissantīti netam ṭhānaṃ vijjati. Yepi te samaṇabrāhmaṇā kammavādā paraṃkatam dukkham paññapenti, te vata aññatra phassā paṭisaṃvedissantīti netam ṭhānaṃ vijjati. Yepi te samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamkatañca paraṃkatañca dukkham paññapenti, te vata aññatra phassā paṭisaṃvedissantīti netam ṭhānaṃ vijjati. Yepi te samaṇabrāhmaṇā kammavādā asayaṃkāraṃ aparaṃkāraṃ adhiccasamuppannam dukkham paññapenti, te vata aññatra phassā paṭisaṃvedissantīti netam ṭhānaṃ vijjati’ ti.

Assosi kho āyasmā ānando āyasmato sārīputtassa tehi aññatitthiyehi paribbājakehi saddhiṃ imaṃ kathāsallāpaṃ. Atha kho āyasmā ānando rājagahe piṇḍāya caritvā pacchābhattam piṇḍapātaṭṭhikanto yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamtivā bhagavantam abhivādetvā ekamantaṃ nisīdi. Ekamantaṃ nisinno kho āyasmā ānando yāvatako āyasmato sārīputtassa tehi aññatitthiyehi paribbājakehi saddhiṃ ahoṣi kathāsallāpo taṃ sabbam bhagavato ārocesi.

“Sādhu sādhu, ānanda, yathā taṃ sārīputto sammā byākaramāno byākareyya. Paṭiccasamuppannam kho, ānanda, dukkham vuttam mayā. Kiṃ paṭicca? Phassaṃ

paṭicca. Iti vadaṃ vuttavādī ceva me assa, na ca maṃ abhūtena abbhācikkheyya, dhammassa cānudhammaṃ byākareyya, na ca koci sahadhammiko vādānupāto gārayhaṃ ṭhānaṃ āgaccheyya.

“Tatrānanda, ye te samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamkataṃ dukkhaṃ paññapenti tadapi phassapaccayā. Yepi te...pe... yepi te...pe... yepi te samaṇabrāhmaṇā kammavādā asayaṃkāraṃ aparaṃkāraṃ adhiccasamuppannaṃ dukkhaṃ paññapenti tadapi phassapaccayā.

“Tatrānanda, yepi te samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamkataṃ dukkhaṃ paññapenti, te vata aññatra phassā paṭisaṃvedissantīti netam ṭhānaṃ vijjati. Yepi te...pe... yepi te...pe... yepi te samaṇabrāhmaṇā kammavādā asayaṃkāraṃ aparaṃkāraṃ adhiccasamuppannaṃ dukkhaṃ paññapenti, te vata aññatra phassā paṭisaṃvedissantīti netam ṭhānaṃ vijjati.

“Ekamidāhaṃ, ānanda, samayaṃ idheva rājagahe viharāmi veḷuvane kalandakanivāpe. Atha khvāhaṃ, ānanda, pubbaṇhasamayaṃ nivāsetvā pattacīvaramādāya rājagahaṃ piṇḍāya pāvisiṃ. Tassa mayhaṃ, ānanda, etadahosi – ‘atippago kho tāva rājagahe piṇḍāya carituṃ. Yaṃnūnāhaṃ yena aññatitthiyānaṃ paribbājakānaṃ ārāmo tenupasaṅkameyya’”nti.

“Atha khvāhaṃ, ānanda, yena aññatitthiyānaṃ paribbājakānaṃ ārāmo tenupasaṅkamim; upasaṅkavitvā tehi aññatitthiyehi paribbājakehi saddhim sammodiṃ. Sammodanīyaṃ kathaṃ saraṇīyaṃ vītisāretvā ekamantaṃ nisīdiṃ. Ekamantaṃ nisinnaṃ kho maṃ, ānanda, te aññatitthiyā paribbājakā etadavocum – ‘Santāvuso gotama, eke samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamkataṃ dukkhaṃ paññapenti. Santi panāvuso gotama, eke samaṇabrāhmaṇā kammavādā paramkataṃ dukkhaṃ paññapenti. Santi panāvuso gotama, eke samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamkatañca paramkatañca dukkhaṃ paññapenti. Santi panāvuso gotama, eke samaṇabrāhmaṇā kammavādā asayaṃkāraṃ aparaṃkāraṃ adhiccasamuppannaṃ dukkhaṃ paññapenti. Idha no āyasmā gotamo kiṃvādī kimakkhāyī? Kathaṃ byākaramānā ca mayaṃ vuttavādino ceva āyasmato gotamassa assāma, na ca āyasmantaṃ gotamaṃ abhūtena abbhācikkheyyāma, dhammassa cānudhammaṃ byākareyyāma, na ca koci sahadhammiko vādānupāto gārayhaṃ ṭhānaṃ āgaccheyyā’”ti?

“Evaṃ vuttāhaṃ, ānanda, te aññatitthiye paribbājake etadavocaṃ – ‘paṭiccasamuppannaṃ kho, āvuso, dukkhaṃ vuttaṃ mayā. Kiṃ paṭicca? Phassaṃ paṭicca. Iti vadaṃ vuttavādī ceva me assa, na ca maṃ abhūtena abbhācikkheyya, dhammassa cānudhammaṃ byākareyya, na ca koci sahadhammiko vādānupāto gārayhaṃ ṭhānaṃ āgaccheyyā’”ti.

“Tatrāvuso, ye te samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamkatam dukkham paññapenti tadapi phassapaccayā. Yepi te...pe... yepi te...pe... yepi te samaṇabrāhmaṇā kammavādā asayaṃkāram aparaṃkāram adhiccasamuppannam dukkham paññapenti tadapi phassapaccayā.

“Tatrāvuso, ye te samaṇabrāhmaṇā kammavādā sayamkatam dukkham paññapenti, te vata aññatra phassā paṭisaṃvedissantīti netam thānam vijjati. Yepi te...pe... yepi te...pe... yepi te samaṇabrāhmaṇā kammavādā asayaṃkāram aparaṃkāram adhiccasamuppannam dukkham paññapenti, te vata aññatra phassā paṭisaṃvedissantīti netam thānam vijjati”ti. “Acchariyam bhante, abbhutam bhante! Yatra hi nāma ekena padena sabbo attho vutto bhavissati. Siyā nu kho, bhante, esevattho vitthārena vuccamāno gambhīro ceva assa gambhīrāvabhāso cā”ti?

“Tena hānanda, taññevettha paṭibhātū”ti. “Sace maṃ, bhante, evaṃ puccheyyūṃ – ‘jarāmarañam, āvuso ānanda, kiṃnidānam kiṃsamudayaṃ kiṃjātikam kiṃpabhava’nti? Evaṃ puṭṭhoham, bhante, evaṃ byākareyyam – ‘jarāmarañam kho, āvuso, jātinidānam jātisamudayaṃ jātijātikam jātipabhava’nti. Evaṃ puṭṭhoham, bhante, evaṃ byākareyyam.

“Sace maṃ, bhante, evaṃ puccheyyūṃ – ‘jāti panāvuso ānanda, kiṃnidānā kiṃsamudayā kiṃjātikā kiṃpabhavā’ti? Evaṃ puṭṭhoham, bhante, evaṃ byākareyyam – ‘jāti kho, āvuso, bhavanidānā bhavasamudayā bhavajātikā bhavappabhavā’ti. Evaṃ puṭṭhoham, bhante, evaṃ byākareyyam.

“Sace maṃ, bhante, evaṃ puccheyyūṃ – ‘bhavo panāvuso ānanda, kiṃnidāno kiṃsamudayo kiṃjātiko kiṃpabhavo’ti? Evaṃ puṭṭhoham, bhante, evaṃ byākareyyam – ‘bhavo kho, āvuso, upādānanidāno upādānasamudayo upādānajātiko upādānappabhavo’ti. Evaṃ puṭṭhoham, bhante, evaṃ byākareyyam.

“Sace maṃ, bhante, evaṃ puccheyyūṃ – upādānam panāvuso...pe... taṇhā panāvuso...pe... vedanā panāvuso...pe... sace maṃ, bhante, evaṃ puccheyyūṃ – ‘phasso panāvuso ānanda, kiṃnidāno kiṃsamudayo kiṃjātiko kiṃpabhavo’ti? Evaṃ puṭṭhoham, bhante, evaṃ byākareyyam – ‘phasso kho, āvuso, saḷāyatananidāno saḷāyatanasamudayo saḷāyatanajātiko saḷāyatanappabhavo’ti. ‘Channaṃtveva, āvuso, phassāyatanānam asesavirāganirodhā phassanirodho; phassanirodhā vedanānirodho; vedanānirodhā taṇhānirodho; taṇhānirodhā upādānanirodho; upādānanirodhā bhavanirodho; bhavanirodhā jātinirodho; jātinirodhā jarāmarañam sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā nirujjhanti. Evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa nirodho hotī’ti. Evaṃ puṭṭhoham, bhante, evaṃ byākareyya’nti. Catuttham.

4. Aññatitthiyasuttavaṇṇanā

24. Catutthe pāvisīti pavitṭho. So ca na tāva pavitṭho, “pavisissāmī”ti nikkhantattā pana evaṃ vutto. Yathā kiṃ? Yathā “gāmaṃ gamissāmī”ti nikkhantapuriso taṃ gāmaṃ appattopi “kahaṃ itthannāmo”ti vutte “gāmaṃ gato”ti vuccati, evaṃ. **Atippagoti** tadā kira therassa atippagoyeva nikkhantadivaso ahoṣi, atippagoyeva nikkhantabhikkhū bodhiyaṅgaṇe cetiyaṅgaṇe nivāsanapārūpanaṭṭhāneti imesu ṭhānesu yāva bhikkhācāraṇelā hoti, tāva papañcaṃ karonti. Therassa pana “yāva bhikkhācāraṇelā hoti, tāva paribbājakehi saddhiṃ ekadvekaṭṭhāre karissāmī”ti cintayato **yamṇūnāhanti** etadahosi. **Paribbājakānaṃ āramoti** so kira āramo dakkhiṇadvārassa ca veḷuvanassa ca antarā ahoṣi. **Idhāti** imesu catūsu vādesu. **Kimvādī kimakkhāyīti** kiṃ vadati kiṃ ācikkhati, kiṃ ettha samaṇassa gotamassa dassananti pucchanti. **Dhammassa cānudhammaṃ byākareyyāmāti**, bhotā gotamena yaṃ vuttaṃ kāraṇaṃ, tassa anukāraṇaṃ katheyyāma. **Sahadhammiko vādānupātōti** parehi vuttakāraṇena sakāraṇo hutvā samaṇassa gotamassa vādānupātō vādappavatti viññūhi garahitabbaṃ kāraṇaṃ koci appamattakopi kathaṃ nāgaccheyya? Idaṃ vuttaṃ hoti – kathaṃ sabbākārenapi samaṇassa gotamassa vāde gārayhaṃ kāraṇaṃ na bhavēyyāti?

Iti vadanti phassapaccayā dukkhanti evaṃ vadantoti attho. **Tatrāti** tesu catūsu vādesu. **Te vata aññatra phassāti** idaṃ “tadapi phassapaccayā”ti paṭiññāya sādhaḥkavacanaṃ. Yasmā hi na vinā phassena dukkhapaṭisaṃvedanā atthi, tasmā jānitabbametam yathā “tadapi phassapaccayā”ti ayamettha adhippāyo.

Sādhu, sādhu, ānandāti ayam sādhuḥkāro sārīputtattherassa dinno, ānandattherena pana saddhiṃ bhagavā āmantesi. **Ekamidāhanti** ettha **idhāti** nipātamattaṃ, ekaṃ samayanti attho. Idaṃ vacanaṃ “na kevalaṃ sārīputtova rājagahaṃ pavitṭho, ahampi pāvisiṃ. Na kevalaṅca tassevāyaṃ vitakko uppanno, mayhampi uppajji. Na kevalaṅca tasseva sā titthiyehi saddhiṃ kathā jātā, mayhampi jātapubbā”ti dassanattaṃ vuttaṃ.

Acchariyaṃ abbhutanti ubhayampetaṃ vimhayadīpanameva. Vacanatto panettha accharaṃ paharitaṃ yuttanti acchariyaṃ. Abhūtapubbaṃ bhūtanti abbhutaṃ. **Ekena padenāti** “phassapaccayā dukkha”nti iminā ekena padena. Etena hi sabbavādānaṃ paṭikkhepattho vutto. **Esevatthoti** esoyeva phassapaccayā dukkhanti paṭiccasamuppādattho. **Taññevettha paṭibhātūti** taññevettha upaṭṭhātu. Idāni thero jarāmarāṇādikāya paṭiccasamuppādakathāya taṃ atthagambhīraṅceva gambhīrāvabhāsaṅca karonto **sace maṃ, bhanteti**ādīvaṃ vatvā yammūlakā kathā

uppannā, tadeva padaṃ gahevā vivaṭṭaṃ dassento **channaṃtvevā**tiādimāha. Sesam
uttānamevāti. Catutthaṃ.